

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **240/2018/HS-PT**

Ngày: **09 -10 - 2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 267/TLPT-HS ngày 30 tháng 07 năm 2018 đối với các bị cáo: Đinh Thị Thu H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 28/06/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Đinh Thị Thu H, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1965 tại Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Con ông Đinh Văn C, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Phí Thị P, sinh năm 1934; chồng là Ngô Minh T, sinh năm 1963 (đã chết); Có 01 người con, sinh năm 1986; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Ngô Quang T, sinh năm 1960.

Trú tại: thôn 2, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1974.

Trú tại: thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Ngô Thị Phương T1, sinh năm 1956.

Trú tại: Tp. P, Gia Lai.

2. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1977.

Trú tại: thành phố P, Gia Lai.

3. Ông Rơ Châm B, sinh năm 1969.

Trú tại: xã M, huyện C, tỉnh Gia Lai.

4. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1962.

Trú tại: thị trấn I, huyện huyện C, tỉnh Gia Lai.

5. Bà Chu Thị N, sinh năm 1979.

Trú tại: thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

6. Anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1972.

Trú tại: Gia Lai.

7. Trần Thị Nam K, sinh năm 1972.

Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

8. Nguyễn Thị Cẩm N1, sinh năm 1975.

Trú tại: TP.P, Gia Lai.

9. Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1989.

Trú tại: thành phố P, Gia Lai.

10. Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1966.

Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

11. Phan Huy C, sinh năm 1956.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

12. Phùng Văn D, sinh năm 1963.

Trú tại: tổ 3, thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

13. Ngô Thị H2, sinh năm 1962.

Trú tại: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

14. Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1965.

Trú tại: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

15. Trần Thị T4, sinh năm 1959.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

16. Nguyễn Thị T5, sinh năm 1955.

Trú tại: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

17. Hoàng Văn P, sinh năm 1960.

Trú tại: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

18. Hoàng Thị L, sinh năm 1981.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

19. Đỗ Thị T6, sinh năm 1980.

Trú tại: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

20. Phạm Văn T7, sinh năm 1963.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

21. Trịnh Thị H3, sinh năm 1964.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

22. Bùi Thanh S, sinh năm 1960.

Trú tại: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

23. Nguyễn Hùng V, sinh năm 1964.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

24. Đinh Thị S, sinh năm 1958.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

25. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1957.

Trú tại: thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Ngô Thị Thu Thủy không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngô Thị Thu T8 là nhân viên hợp đồng Bưu điện huyện C, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thuê khoán số 10/BĐH-HĐTK ngày 01/01/2015. Trong quá

trình sinh sống, T8 vay mượn tiền nhiều nơi với lãi suất cao không có khả năng trả nợ nên đã nảy sinh ý định dùng giấy tờ, chứng từ giả mạo để thế chấp vay tiền của người này trả cho người kia và tiêu xài cá nhân, sau một thời gian thì mất khả năng thanh toán nên T8 đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Từ tháng 8/2015 đến tháng 5/2016, lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của Bưu điện huyện C, tỉnh Gia Lai, UBND xã M và UBND thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai, Ngô Thị Thu T8 và Đinh Thị Thu H đã sử dụng các phôi Phiếu lĩnh tiền lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của ông Ngô Quang T (sinh năm: 1960, trú tại thôn 02, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) và ông Nguyễn Đăng H (sinh năm: 1974, trú tại thôn 01, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) tổng số tiền là 548.776.000đ, cụ thể như sau:

1. Hành vi Ngô Thị Thu T8 chiếm đoạt số tiền 478.776.000đ của ông Ngô Quang T.

Khoảng đầu tháng 6/2015, bà Lê Thị H1 (sinh năm: 1962, huyện C, tỉnh Gia Lai) nhờ Ngô Thị Thu T8 nhận giúp tiền lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội được trả qua Bưu điện huyện C của bà H và những người thân của bà H gồm các ông bà sau: Nguyễn Sỹ L, Nguyễn Văn L, Trần Thị D, Nguyễn Trí T, Phạm Thị T (do bà H nhận tiền lương hưu giúp họ).

Đến tháng 8/2015, Ngô Thị Thu T8 nảy sinh ý định sử dụng 06 (sáu) Phiếu lĩnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội của bà H và những người nêu trên thế chấp cho ông Ngô Quang T để vay tiền. T8 đến nhà gặp và giới thiệu với ông T là T8 làm ở Bưu điện thị trấn I nên quen biết với nhiều người, họ có nguyện vọng xin vay tiền để giải quyết việc gia đình thì được ông T đồng ý. Ông T thỏa thuận với T8 là phải có Phiếu lĩnh lương hưu và Giấy ủy quyền cho ông T lĩnh thay lương hưu thì ông mới cho vay tiền, hàng tháng ông T trả cho T8 2.000.000đ tiền công. Để tạo niềm tin với ông T, T8 đã làm 06 (sáu) Giấy ủy quyền lĩnh thay lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và ký không các chữ ký của những người trên rồi nhờ ông Nguyễn Thanh V (Chủ tịch UBND thị trấn I) ký xác nhận.

Sau khi làm không được Giấy ủy quyền, từ ngày 10/8/2015 đến ngày 05/10/2015 T8 đã đem 06 (sáu) Phiếu lĩnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội cùng Giấy ủy quyền lĩnh thay lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội của những người trên thế chấp cho ông Ngô Quang T để vay 180.000.000đ. Hàng tháng T8 dùng chính số tiền vay của ông T để trả nợ một phần tiền gốc và lãi vay cho ông T.

Khoảng đầu tháng 10/2015, do không còn tiền để trả nợ cho ông T, thì T8 nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để ông T tiếp tục cho vay tiền. Lợi dụng sơ hở của chị Nguyễn Thị Cẩm N1 (nhân viên Bưu điện huyện C) trong việc quản lý các phôi Phiếu lĩnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội, T8 đã chiếm đoạt 26 (hai mươi sáu) phôi Phiếu lĩnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội rồi

tự ghi thông tin giả của 26 người không thuộc diện được hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội (gồm các ông, bà: Nguyễn Văn S, Trịnh Thị H3, Vũ Văn T, Phùng Văn D và Ngô Thị H2, Lê Thị H, Đoàn Công T và Trần Thị T4, Vũ Thị V, Nguyễn Thị Kim T và Trịnh Thị T, Phạm Văn T7, Đinh Thị S và Dương Trường S, Phạm Thị T, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Văn T, Bùi Thanh S và Nguyễn Thị T8, Nguyễn Thị S, Hoàng Văn P và Nguyễn Hùng V, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn C) và viết các nội dung, ký không các chữ ký của những người trên vào Giấy ủy quyền lĩnh thay lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và Giấy lĩnh thay lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội rồi nhờ ông Nguyễn Thanh V (Chủ tịch UBND thị trấn I) ký xác nhận 08 (tám) Giấy ủy quyền và 03 (ba) giấy lĩnh thay, ông Rơ Châm S (Chủ tịch UBND xã M) ký xác nhận 03 (ba) Giấy ủy quyền, ông Rơ Châm B (Phó Chủ tịch UBND xã M) ký xác nhận 05 (năm) Giấy ủy quyền. Sau khi ký xác nhận được các Giấy ủy quyền và Giấy lĩnh thay thì từ ngày 29/10/2015 đến ngày 04/4/2016, T8 đem thẻ chấp cho ông Ngô Quang T để vay tổng số tiền là 625.000.000đ.

Sau khi vay tổng số tiền 805.000.000đ của ông Ngô Quang T, T8 đã sử dụng trả tiền gốc và tiền lãi cho ông T tổng số tiền là 326.224.000đ. Còn lại **478.776.000đ**, T8 chiếm đoạt tiêu xài cá nhân cho đến nay .

2/ Hành vi của Ngô Thị Thu T8 chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ và Đinh Thị Thu H đồng phạm chiếm đoạt 30.000.000 của ông Nguyễn Đăng H.

Khoảng đầu tháng 4/2016, do không còn tiền để trả nợ gốc và lãi cho ông T và biết được ông Nguyễn Đăng H là người cho vay tiền, T8 đã gặp và nói với ông H có người muốn thế chấp Phiếu lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội để vay tiền. Ông H đồng ý với điều kiện người có tên trong Phiếu lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội có Giấy ủy quyền cho ông H nhận lương và có giấy Chứng minh nhân dân phô tô thì ông H mới cho vay tiền. Do vậy, T8 nói với mẹ là Đinh Thị Thu H là T8 đang nợ ngoài nhiều tiền với lãi suất cao và nhờ H dùng phôi Phiếu lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội ghi thông tin giả mang tên Đinh Thị Thu H để vay tiền của ông Nguyễn Đăng H để trả nợ cho người khác. H biết việc làm của T8 là gian dối, nhưng vì muốn giúp T8 nên H đã đồng ý. Ngày 11/4/2016, T8 làm sẵn Phiếu lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và Giấy ủy quyền mang tên Đinh Thị Thu H và cùng H mang theo giấy Chứng minh nhân dân của H đến thế chấp cho ông Nguyễn Đăng H để vay số tiền 40.000.000đ.

Cùng thủ đoạn tương tự, khoảng đầu tháng 5/2016 T8 tiếp tục nhờ bà Ngô Thị Phương T1 (sinh năm 1956, thành phố P, tỉnh Gia Lai, là bác ruột của T8) đứng ra vay tiền giúp T8, bà T1 không biết ý định lừa đảo của T8 nên đã đồng ý. Được bà T1 đồng ý, T8 đưa mẫu Giấy ủy quyền lĩnh thay lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho bà T1 ký trước, sau đó T8 tự điền thông tin cá nhân của bà T1 vào Giấy ủy quyền và Phiếu lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội rồi nhờ

ông Rơ Châm B (Phó Chủ tịch UBND xã M) ký xác nhận ủy quyền. Ngày 04/5/2016, T8 cùng bà Ngô Thị Phương T1 mang theo các giấy tờ trên và giấy Chứng minh nhân dân của bà T1 đến thế chấp cho ông H để vay số tiền 40.000.000đ. Khi ký các giấy tờ do T8 đưa và được T8 chở tới gặp ông H thì bà T1 không biết mục đích việc làm của T8 là để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông H.

Sau khi nhận số tiền 80.000.000đ của ông H, bị cáo T8 đã sử dụng một phần để trả nợ, còn lại tiêu xài cá nhân. Khi biết ông H làm đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, H đã trả cho ông H được 10.000.000đ. Số tiền còn lại **70.000.000đ** Ngô Thị Thu T8 đã chiếm đoạt đến nay chưa trả lại cho ông H.

-Về dân sự:

+ Ông Ngô Quang T yêu cầu bị cáo T8 trả cho ông T số tiền 478.776.000đ và 16.000.000đ tiền công mà ông T đã đưa T8 để T8 đi gom Phiếu lĩnh lương.

+ Ông Nguyễn Đăng H yêu cầu bị cáo Đinh Thị Thu H trả cho ông H số tiền 30.000.000đ và 19.200.000đ tiền lãi; yêu cầu bà Ngô Thị Phương T1 trả cho ông H số tiền 40.000.000đ và 25.600.000đ tiền lãi.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 28/06/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

[1]. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2]. - Áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Đinh Thị Thu H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 và các Điều 121, 137, Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

+ Buộc bị cáo Ngô Thị Thu T8 phải bồi hoàn cho ông Ngô Quang T số tiền 494.776.000đ. (Bốn trăm chín mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

+Buộc Ngô Thị Thu T8 phải bồi hoàn cho ông Nguyễn Đăng H số tiền 40.000.000đồng.(Bốn mươi triệu đồng)

+ Buộc Đinh Thị Thu H phải bồi hoàn cho ông Nguyễn Đăng H số tiền 30.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo Ngô Thị Thu Thủy, phần án phí; quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi án xử sơ thẩm, ngày 12/7/2018 bị cáo Đinh Thị Thu H kháng cáo đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi án xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục được 10.000.000 đồng cho người bị hại và để bị cáo nuôi 01 cháu ngoại mới một tuổi là con của bị cáo Ngô Thị Thu T8 bị xét xử 12 năm tù trong vụ án này. Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để cho bị cáo được hưởng án treo.

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian đầu tháng 4/2016, Đinh Thị Thu H biết mình không thuộc diện được hưởng chế độ lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội, nhưng khi được bị cáo T8 (là con ruột của bị cáo H) nhờ đi vay tiền giúp thì H đã điền thông tin giả vào phiếu lĩnh lương hưu rồi cùng T8 đến thế chấp vay tiền để chiếm đoạt của ông Nguyễn Đăng H số tiền 30.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên bố bị cáo Đinh Thị Thu H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Đinh Thị Thu H thì thấy: Bị cáo H biết rõ hành vi của bị cáo T8 là nguy hiểm, nhưng khi được bị cáo T8 nhờ giúp đỡ H đã điền thông tin giả vào phiếu lĩnh lương hưu rồi cùng T8 đến thế chấp vay tiền để chiếm đoạt của ông Nguyễn Đăng H số tiền 30.000.000 đồng đưa cho bị cáo T8. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, số tiền bị cáo chiếm đoạt 30.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, có khung hình phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã

gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật năm 2015 để xử phạt bị cáo Đinh Thị Thu H 9 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Sau khi án xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật năm 2015; bị cáo có con là bị cáo Ngô Thị Thu T8 bị xét xử 12 năm tù trong vụ án này, hiện nay bị cáo đang nuôi một cháu nhỏ mới một tuổi là con của bị cáo Ngô Thị Thu T8; sau khi án xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục được số tiền 10.000.000 đồng (biên lai số 0004857 ngày 08/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai), nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; tại phiên tòa Kiểm sát viên cũng đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như đề nghị của Kiểm sát viên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Ngô Thị Thu T8; các quyết định về: trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Thị Thu H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị Thu H 9** (chín) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.

Giao bị cáo **Đinh Thị Thu H** cho Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Ngô Thị Thu T8; các quyết định về: trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến